TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/DS-PT
Ngày: 03 - 3- 2023
V/v: "tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

- Các Thẩm phán: bà Dương Thúy Hằng, bà Nguyễn Thị An Tiên.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2022/TLPT-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 119/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 445/2022/QĐPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phan Thị Th, sinh năm 1952, địa chỉ: Tổ X, ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Th: anh Trần Văn Ngh, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp TH, Xã ĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh *(theo ủy quyền ngày 19/10/2020);* có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phan Thị A, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 1, ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà A: chị Nguyễn Thụy Hải Đường, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 56-58, đường Lý Thường Kiệt, khu phố Hiệp Định, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Th, tỉnh Tây Ninh *(theo ủy quyền ngày 18/8/2020)*; có mặt.

2.2. Anh Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1991; Tổ 1, ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Tr: chị Nguyễn Thị Kim Đào, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 140, hẻm 5, đường Huỳnh Tấn Ph, khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, Th phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (*theo ủy quyền ngày 23/02/2022);* có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan Văn Ph**,** sinh năm 1959; địa chỉ: E, Khu phố X, Phường 4, Th phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có đơn vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bà Phan Thị A - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Trần Văn Ngh trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: là của cụ Phan Văn Đ (cha ruột bà Th) khai phá sử dụng. Ngày 10/5/2003, cụ Phan Văn Đ có lập 01 giấy tay cho hầm ao, nội dung thể hiện cho bà Th phần đất ao gạch chéo, có vẽ sơ đồ, có ghi tứ cận. Tờ cho hầm ao là do ông Phan Văn Ph viết dùm, cụ Đ ký tên trước mặt bà Th và ông Ph. Đến tháng 8 năm 2003, cụ Đ bị bệnh mất.

Về việc kê khai đăng ký đất: khi còn sống cụ Đ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: GCNQSDĐ) này. Đến năm 2019, bà Th đi kê khai đăng ký thì bị bà A ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Quá trình đo đạc thể hiện phần đất bà Th tranh chấp gồm 02 phần:

Phần diện tích nằm trong GCNQSDĐ của anh Nguyễn Quốc Tr đứng tên diện tích là 926,8 m^2 và phần chưa được cấp giấy diện tích là 784 m^2. Toàn bộ diện tích 1710,8 m^2 không ai sử dụng.

Nay bà Th yêu cầu bà A và anh Tr trả lại phần đất diện tích 1710,8 m^2, vì đất này cụ Đ đã có giấy tờ cho bà Th.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị A là chị Nguyễn Thụy Hải Đường trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: tại phiên tòa chị xác định nguồn gốc đất tranh chấp là cụ Đ tặng cho bà A từ năm 1993, việc tặng cho không làm giấy tờ, khi bà A và ông T còn là vợ chồng thì ông T đi kê khai đăng ký và làm thủ tục GCNQSDĐ lần đầu thửa 484 cấp ngày 15/12/1993. Năm 2012, ông T làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh Nguyễn Quốc Tr. Sau đó, ông T và bà A ly hôn, hiện ông T sinh sống ở đâu không rõ. Anh Tr làm thủ tục đăng ký và được cấp GCNQSDĐ ngày 13/8/2012 diện tích 3,160 m^2 tờ bản đồ số 2, trong đó có các thửa 484, 485, 486.

Quá trình sử dụng đất: phần ao tranh chấp trước giờ là bà A sử dụng để nuôi cá. Bà A có trồng cây dừa nhưng do nước ngập nên dừa đã chết. Chị xác định đất do bà A sử dụng từ năm 1993 cho đến nay.

Qua kết quả đo đạc, một phần diện tích đất ao nằm trong thửa 484 do anh Tr đứng tên diện tích 926,8 m^2 nên yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với phần diện tích này là không có căn cứ.

Theo văn bản phúc đáp số 1785 của UBND huyện Châu Thành, thửa 280 theo sơ đồ mới bao gồm thửa 484 và thửa 388. Như vậy, diện tích đất của anh Tr không bị thiếu mà tăng lên do đo đạc không chính xác, diện tích tăng lên này nằm trong thửa 484 thuộc quyền sử dụng của anh Tr theo giấy chứng nhận đã được cấp ngày 13/8/2012. Còn thửa 388 cụ Đ đã cho bà A, tuy cha anh Tr chưa đăng ký nhưng vẫn nằm trong ranh đất anh Tr, bà A đang quản lý sử dụng, hiện trạng thực tế không còn ranh giữa thửa 484 và 388. Vì vậy, bà A cho rằng thửa 280 gồm 2 thửa 484 và 388 là đất của anh Tr, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Ngoài ra, bà A không thừa nhận tờ cho hầm ao ngày 10/5/2003 vì chữ ký trong đó không phải của cha bà, nhưng không yêu cầu giám định vì căn cứ Điều 659 của Bộ luật Dân sự năm 1995 thì văn bản này không có giá trị pháp lý do không có người làm chứng.

Tại đơn phản tố ngày 04/8/2022, của anh Nguyễn Quốc Tr lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kim Đào (đại diện anh Tr) trình bày:

Ông Nguyễn Văn T làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh Nguyễn Quốc Tr. Anh Tr đã được cấp GCNQSDĐ thửa 484, thực tế diện tích đất anh Tr sử dụng nhiều hơn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đi đăng ký kê khai không chính xác và đầy đủ nên có phần diện tích thuộc thửa 388 chưa có trong GCNQSDĐ (phần ao) nhưng thực tế ao này do bà A và anh Tr sử dụng từ năm 1993 cho thửa 280 gồm 2 thửa 484 và 388 là đất của anh Tr. Hơn nữa, theo biên bản xác minh thực địa ngày 05/7/2012 của UBND Xã ĐK đã xác định các thửa 484, 485, 486 đã được ông T quản lý sử dụng từ năm 1990 đến nay ổn định không tranh chấp với ai.

Từ đó, chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Ngoài ra, theo đơn phản tố chị yêu cầu được công nhận cho anh Tr được quyền sử dụng phần đất chưa được cấp GCNQSDĐ do đăng ký thiếu sót, cụ thể diện tích 784 m^2 tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận như sau:

Đông giáp thửa 296, 263; Tây giáp thửa 280;

Nam giáp thửa 484; Bắc giáp thửa 252.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 119/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 461, 463 của Bộ luật Dân sự 1995; Điều 105 của Luật Đất đai 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Th đối với bà Phan Thị A và anh Nguyễn Quốc Tr về việc yêu cầu trả lại phần đất diện tích 784 m^2 tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Quốc Tr về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 784 m^2 tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Phan Thị Th được quyền sử dụng phần đất hiện trạng là đất ao có diện tích 784 m^2, thuộc thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16 bản đồ đo lưới năm 2010 (thửa cũ đo bao số 388, tờ bản đồ số 02 bản đồ 299) tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận:

Đông giáp thửa 269 dài 30,44 m; thửa 263 dài 4,36 m. Tây giáp thửa 280 dài 35,72 m. Nam giáp thửa 484 dài 26,59 m. Bắc giáp thửa 252 dài 23,05 m (Có sơ đồ kèm theo).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Th đối với bà Phan Thị A và anh Nguyễn Quốc Tr về việc yêu cầu trả lại phần đất diện tích 926,8 m^2 thuộc thửa đất số 484, tờ bản đồ số 02 bản đồ 299 (theo bản đồ đo lưới năm 2010 thuộc thửa số 280, tờ bản đồ số 16) tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 06/10/2022, bà A kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu giám định chữ ký của ông Đ trong giấy cho đất.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Người đại diện bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Trong phần tranh luận:

- Chị Đường trình bày: đất tranh chấp thửa 484, 388 có nguồn gốc của cụ Đ (cha bà A). Năm 1993, cụ Đ đã cho ông T nhưng do ông T đăng ký thiếu thửa 388 diện tích 784 m^2 khi ông T tặng cho lại anh Tr, anh Tr cũng không biết nên không đăng ký bổ sung, đến khi bà A đi đăng ký thì bà Th ngăn cản cho rằng cụ Đ đã cho bà và đưa ra giấy tặng cho hầm ao, chứng cứ này cũng không phù hợp, nhưng Tòa án sơ thẩm công nhận văn bản này là chứng cứ là không có căn cứ. Bà A không đồng ý giao 784 m^2 đất cho bà Th. Đất tranh chấp được Nhà nước cấp giấy một phần, hiện trạng đất không có ranh giới nên toàn bộ thửa 484, 388 diện tích 1710,8 m^2 là của bà A bà sử dụng từ năm 1993 đến nay.

- Chị Đào đại diện anh Tr trình bày: các nhân chứng đều xác định đất tranh chấp do gia đình bà A sử dụng, anh Tr đăng ký đất thiếu diện tích do đo đạc sai

số. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận phản tố của anh Tr, công nhận anh Tr được sử dụng diện tích đất 784 m^2.

- Nguyên đơn không tranh luận.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị A, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Phan Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm người đại diện của anh Tr có đơn yêu cầu giám định chữ ký của cụ Đ, ngày 08/02/2023 người đại diện của anh Tr rút yêu cầu.

[2] Về nội dung: bà Th khởi kiện bà A và anh Tr yêu cầu trả lại phần đất diện tích theo đo đạc là 1710,8 m^2, tọa lạc tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh. Bà A và anh Tr không chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà A thấy rằng:

[3.1] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ nhận thấy phần đất các đương sự tranh chấp diện tích 1710,8 m^2 thuộc thửa 280, tờ bản đồ số 16 (bản đồ đo lưới năm 2010) tương ứng với thửa 484, 388 tờ bản đồ số 02 bản đồ 299. Trong đó, có diện tích 926,8 m^2 nằm trong thửa 484 đã được cấp GCNQSDĐ do anh Nguyễn Quốc Tr đứng tên; phần còn lại diện tích 784 m^2 thuộc thửa đất đo bao số 388, tờ bản đồ số 02 bản đồ 299, chưa được cấp giấy, hiện trạng là đất ao. Trị giá 60.000.000 đồng/1.000 m^2 x 1710,8 m^2 = 102.648.000 đồng.

[3.2] Về chứng cứ: cụ Đ và cụ G là cha mẹ của bà Th, bà A, ông Ph. Lúc còn sống các cụ có khoảng 03 ha đất ruộng đã được cấp GCNQSDĐ và 5.500 m^2 đất ao chưa được cấp GCNQSDĐ, do địa phương vận động làm đường nên nay chỉ còn 1710,8 m^2 đất ao. Các cụ đã phân chia cho các con gồm bà Th, bà A, ông Ph mỗi người 01 ha ruộng, còn 1710,8 m^2 đất ao chưa phân chia, do ao sâu nên không ai sử dụng. Năm 1993, ông T (chồng bà A) tự kê khai đăng ký 01 phần diện tích 926,8 m^2 /1710,8 m^2 ghi nguồn gốc đất là "*do cha vợ là cụ Phan Văn Đ cho*" nhưng không có chứng cứ tặng cho hợp pháp, ông T được cấp

GCNQSDĐ. Năm 2012, ông T làm thủ tục tặng cho con là anh Nguyễn Quốc Tr thửa đất trên anh Tr được cấp GCNQSDĐ. Ngày 10/5/2003, cụ Đ làm giấy tặng cho bà Th "hầm ao", bà Th đi đăng ký thì bà A tranh chấp. Cấp sơ thẩm công nhận văn bản này là chứng cứ là không phù hợp bởi lẽ, văn bản này không nói rõ diện tích tặng cho là bao nhiêu, không phù hợp với quy định của pháp luật về tặng cho quyền sử dụng đất (do cụ Đ chưa được cấp GCNQSDĐ, cụ G đã chết trước thời điểm tặng cho nhưng không có chữ ký của bà A) nên không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, do đất có nguồn gốc của cụ Đ và cụ Giàu, chưa phân chia cho các con, và đất này cũng chưa ai sử dụng thường xuyên, liên tục (có lúc bà Th thả cá, lúc khác bà A thả cá). Trong quá trình giải quyết các đương sự không tranh chấp di sản thừa kế. Cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th, cho bà Th được sử dụng diện tích 784 m^2, con bà A là anh Tr tiếp tục sử dụng diện tích 926,8 m^2 là phù hợp tại Điều 224 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Kháng cáo của bà A không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.3] Chị Đào (đại diện anh Tr) trình bày tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu chấp nhận phản tố của anh Tr, anh Tr không có kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, trong đơn kháng cáo của bà A có yêu cầu được sử dụng diện tích đất 784 m^2 và yêu cầu này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng. Do bà Th là người cao tuổi được miễn tiền áp phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Anh Nguyễn Quốc Tr và bà Phan Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận là 300.000 đồng, mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng bà A được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Quốc Tr còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng khác: căn cứ Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Bà Phan Thị A tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định số tiền 2.888.000 đồng, đã nộp đủ.

Bà Phan Thị Th tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định số tiền 2.588.000 đồng, đã nộp đủ.

[6] Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: bà A là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị A.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 119/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 157, 158, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Luật Đất đai, Điều 224 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Th đối với bà Phan Thị A và anh Nguyễn Quốc Tr;

1.1. Buộc bà Phan Thị A và anh Nguyễn Quốc Tr có nghĩa vụ giao cho bà Phan Thị Th được quyền sử dụng phần đất (hiện trạng là đất ao) có diện tích 784 m^2, thuộc thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16; bản đồ đo lưới năm 2010 (thửa cũ đo bao số 388, tờ bản đồ số 02/299), tọa lạc tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận:

Đông giáp thửa 269 dài 30,44 m; thửa 263 dài 4,36 m;

Tây giáp thửa 280 dài 35,72 m;

Nam giáp thửa 484 dài 26,59 m;

Bắc giáp thửa 252 dài 23,05 m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự căn cứ vào quyết định của bản án này, có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.2. Không chấp nhận khởi kiện của bà Phan Thị Th đối với bà Phan Thị A và anh Nguyễn Quốc Tr về việc yêu cầu trả lại phần đất diện tích 926,8 m^2 thuộc thửa số 484, tờ bản đồ số 02/299 (theo bản đồ đo lưới năm 2010 thuộc thửa số 280, tờ bản đồ số 16), tọa lạc tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Quốc Tr về việc yêu cầu công nhận cho anh được sử dụng phần đất diện tích 784 m^2 thuộc thửa đất số 280, tờ bản đồ số 16 bản đồ đo lưới năm 2010 (thửa cũ đo bao số 388, tờ bản đồ số 02/299) tọa lạc tại ấp CD, Xã ĐK, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Th, bà A được miễn.

- Anh Nguyễn Quốc Tr phải chịu 450.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0017622 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, anh Tr còn phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng

4. Án phí phúc thẩm: bà Phan Thị A được miễn.

5. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Phan Thị A tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định số tiền 2.888.000 đồng, đã nộp đủ.

Bà Phan Thị Th tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định số tiền 2.588.000 đồng, đã nộp đủ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Th;
- CCTHADS huyện Châu Th;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm